8°
INDO-CHINOIS
231

汾沌修書局

叢書

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
RF

THƠ TẢN ĐÀ

詩傘澆集

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 4431

NGUYỄN - KHẮC - HIẾU

HANOI
NGHIÊM - HÀM ẤN - QUÁN
58, Phố hàng Bông, 58

Première Édition 1925 Tous droits réservés.

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

4280 K

CÁC SÁCH ĐÃ IN CỦA

TẢN-ĐÀ TU THƯ CỤC

Lên sáu	giá	0 $ 10
Lên tám	»	0, 15
Đài gương kinh	»	0, 25
Đài gương truyện	»	0, 25
Thần tiên	»	0, 30
Giấc mộng con	»	0, 38
Khối tình con quyển nhất	»	0, 18
Khối tình con quyển nhì	»	0, 20
Khối tình bản chính	»	0, 25
Khối tình bản phụ	»	0, 10
Còn chơi	»	0, 30
Tản-Đà tùng văn	»	0, 30
Truyện Tỳ-Bà	»	0, 50
Bức tranh lòng son	»	0, 08
Truyện Trinh-thám Ba-Lan	»	0, 20
Truyện Thế-gian quyển nhất	»	0, 30
Truyện Thế-gian quyển nhì	»	0, 20
Đại-Học	»	0, 70
Sự-tích 18 đời Hùng-Vương	»	0, 20
Cẩm-Hương-Đình	»	0, 50
Chết sống thuyền-quyên	»	0, 40
Kinh thi quốc phong I	»	1, 50
Khai tâm Hán văn giáo khoa	»	0, 60
Quốc sử huấn mông I	»	0, 60
Trần ai tri kỷ	»	0, 06

Đương in

Quốc sử huấn mông II

Lên mười

THƠ TẢN ĐÀ

8° Ind. Ch.
231

局書修沱傘

書叢

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 4431

傘沱修書局

詩集

THƠ TẢN ĐÀ

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R. F.
IMPRIMÉS

NGUYỄN - KHẮC - HIẾU

HANOI
NGHIÊM - HÀM ẤN - QUÁN
58, Phố hàng Bông, 58

Giá bán : **0$20**

NGUYỄN - KHẮC - HIẾU

VIỆT NAM THỔ NGỮ

VIỆ
INDOCHINE
DEPOT LEGAL

TỰA

Chén rượu canh tàn, liếng gà đèm vắng ; thân danh sự nghiệp, dẫu cho đến dọc nghìn thu, ngang tầm cõi, không bằng cái thú ngâm câu thơ. Mỗi lúc hứng đến mà ngâm, khổ không nhớ hết những bài cũ. Khi nhàn, muốn đem hết các bài vận-văn đã làm ra trong mười lăm năm nay, biên làm một tập, để tùy ý ngâm chơi trong lúc say ; nhân soạn cả ra mà xem thời lẩm-nhẩm thực nhiều, phần nhiều mỗi bài chỉ được một hai câu, thậm chí có bài không còn ra văn-lý gì cả. Giấy mực đã chót in, đến nay trông thấy mà thẹn ; nghĩ càng thêm thẹn với ai ai. Thôi những cái bệnh say không chữa được, thời cái bệnh ngâm cũng không chữa được. Đã soạn ra thời cũng trọn trong mười phần lấy một, phòng chăng khiển hứng lúc canh tàn ; đã trọn ra thời xửa đòi để in, nhân để gỡ thẹn cùng những ai quá yêu trong bấy lâu nay vậy.

TẢN ĐÀ

DÉPOT LÉGAL
« INDOCHINE »
N.º

MỤC LỤC

CÁC ĐIỆU THƠ

THƠ THẤT NGÔN ĐƯỜNG LUẬT

Số trang

Vịnh bức địa-đồ rách 9
Dịch bài thuật hoài của ông Đặng-Dung 10

THẤT NGÔN CỔ PHONG TRƯỜNG THIÊN

Thăm mả cũ bên đường 10
Hầu Giời 12

NGŨ NGÔN CỔ PHONG TRƯỜNG THIÊN

Bài tựa quyển Đài-Gương-truyện 16

CÁC ĐIỆU HÁT

HÁT PHONG-DAO

Hai câu 18

HÁT SẨM

Cô tây đen 18
Sẩm tự thán 19

HỀ CHÈO

Ông dùng 19
Con sáo sậu 20

MIỄU NÓI

Hỏi gió 20
Giời mắng 21
Đời đáng chán 22

HÀNH-VÂN SANG NAM

Năm canh mối tình 24

ĐIỆU HÀNH

Thu khuê hành 25

TRƯỜNG ĐOẢN CÚ

Dịch bài thuật hoài của bà Kim-thị 26

ĐIỆU LỤC BÁT

Thề non nước. 27
Nói truyện với bóng 27
Chơi Huế 29
Trông giăng cảm tưởng 33
Ếch mà (Hài văn) 34
Tập Kiều viếng Kiều 35

SONG-THẤT LỤC-BÁT

Mưa thu đất khách 37
Vợ chồng người đốt than trên núi. 37
Thư trách người tình-nhân không quen biết . . . 40

ĐIỆU TỨ LỤC

Cứu cấp sự sợ vợ (Hài văn) 42
Nhời dẫn trước bài tựa truyện Tỳ-Bà 43
Dịch bài Bình Ngô đại cáo 46

TRƯỜNG ĐOẢN NGÂM

Cảm thu tiễn thu (Điệu mới). 50

THƠ TẢN-ĐÀ

THƠ THẤT NGÔN ĐƯỜNG LUẬT

Vịnh bức địa-đồ rách

Nọ bức dư-đồ thử đứng coi,
Sông sông núi núi khéo bia cười !
Biết bao lúc mới công vờn vẽ,
Sao đến bây giờ rách tả-tơi.
Ấy trước ông cha mua để lại,
Mà sau con cháu lấy làm chơi.
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi.

Dịch bài thơ thuật hoài của ông Đặng-Dung
đời nhà Trần

Việc đời man-mác, tuổi già thôi!
Đất rộng giời cao chén ngậm-ngùi.
Gặp-gỡ thời-cơ may những kẻ ;
Tan-tành sự-thế luống cay ai !
Phò vua bụng những mong xoay đất,
Gột giáp sông kia khó vạch giời.
Đầu bạc giang san, thù chửa giả,
Long-tuyền (1) mấy độ bóng giăng soi.

NGUYỄN-VĂN

世無時事致洗國幾　Thế sự ru ru nại lão hà,
事窮來去主兵鼷度　Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
悠天屠英有無未龍　Thời lai, đồ điếu thành công dị ;
悠地釣雉懷路復泉　Sự khứ, anh hùng ẩm hận đa.
柰入成飲扶挽頭帶　Trí chủ hữu hoài phù địa-trục,
老酬功恨地天先月　Tẩy binh vô lộ vãn thiên-hà.
何歌易多軸河白磨　Quốc-thù vị phục, đầu tiên bạch,
　　Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma.

THẤT NGÔN CỔ PHONG TRƯỜNG THIÊN

Thăm mả cũ bên đường

Chơi lâu nhớ quê về thăm nhà,
Đường xa, người vắng, bóng chiều tà.
Một dẫy lau cao, làn gió chạy,
Mấy cây thưa lá, sắc vàng pha.

(1) Long-tuyền là một thanh gươm báu.

Ngoài xe chợ một đống đất đỏ,
Hang hốc đùn trên đám cỏ gà.
Người nằm dưới mả ai ai đó ?
Biết có quê đây, hay vùng xa?
Hay là thủa trước kẻ cung đao ?
Hám đạn, liều tên, đón mũi dao ;
Cửa nhà xa cách, vợ con khuất,
Da ngựa gói bỏ lâu ngày cao.
Hay là thủa trước kẻ văn-chương ?
Chen hội công danh nhỡ lạc đường.
Tài cao phận thấp, chí khí uất,
Giang hồ mê chơi quên quê hương.
Hay là thủa trước khách hồng-nhan ?
Sắc-sảo khôn-ngoan giời đất ghen ;
Phong trần xui gặp bước lưu-lạc,
Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn.
Hay là thủa trước khách phong-lưu,
Vợ con đàn hạc đề-huề theo ;
Quan san xa lạ, đường lối khó,
Ma thiêng, nước độc, phong sương nhiều.
Hay là thủa trước bậc tài danh ?
Đời đời lừa lừa cũng linh-tinh ;
Giận duyên tủi phận hờn ân ái,
Đất khách nhờ chôn một khối tình.
Suối vàng sâu thẳm, biết là ai,
Mả cũ không ai kẻ đoái-hoài.
Trải bao ngày tháng chợ chợ đó,
Mưa rầu, nắng rãi, giăng mờ soi.
Ấy thực quê hương con người ta.
Dặn bảo trên đường những khách qua :
Có tiếng khóc oe thời có thế,
Trăm năm ai lại biết ai mà !

Hầu Giời

Đêm qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoảng-hốt, không mơ mòng ;
Thật hồn, thật phách, thật thân thể,
Thật được lên tiên sướng lạ-lùng.

Nguyên lúc canh ba, nằm một mình,
Vắt chân dưới bóng ngọn đèn xanh.
Nằm buồn ngồi dạy đun nước uống.
Uống xong ấm nước, nằm ngâm vần.

Chơi vần ngâm chán lại chơi giăng,
Ra sân cùng bóng đi tung-tăng.
Trên giời bỗng thấy hai cô xuống,
Miệng cười mủn-mỉm cùng nói rằng :

« Giời nghe hạ-giới ai ngâm nga.
« Tiếng ngâm vang cả sông Ngân-hà.
« Làm giời mất ngủ, Giời dương mắng,
« Có hay, lên dọc Giời nghe qua. »

Ước mãi, bây giờ mới gặp tiên,
Người tiên nghe tiếng lại như quen.
Văn-chương nào có hay cho lắm,
Giời đã sai gọi thời phải lên.

Theo hai cô tiên lên đường mây,
Vù vù không cánh mà như bay.
Cửa son đỏ trói, oai giục-dỡ,
Thiên-môn đế-khuyết như là đây.

Vào trông thấy Giời, xụp xuống lạy,
Giời sai tiên-nữ dắt lời dậy.
Ghế bành như tuyết, vàn như mây,
Truyền cho văn-sĩ ngồi chơi đấy.

Tiên-đồng pha nước, uống vừa xong.
Bỗng thấy chư tiên đến thật đông.
Chung quanh bầy ghế ngồi la-liệt,
Tiên bà, tiên cô cùng tiên ông.

Chư liên ngồi quanh đã lĩnh tức,
Giời sai pha nước để nhấp giọng.
Truyền cho văn sĩ đọc văn nghe.
« Dạ bẩm lạy Giời, con xin đọc. »

Đọc hết văn vần sang văn xuôi,
Hết văn thuyết lý lại văn chơi.
Đương cơn đắc ý đọc đã thích,
Trẻ giời nhấp giọng càng tốt hơi.

Văn dài hơi tốt ran cung mây,
Giời nghe, Giời cũng lấy làm hay.
Tâm (1) như nở dạ, Cơ (2) lè lưỡi,
Hằng-Nga, Chức-Nữ chau đôi mày.
Song-Thành, Tiểu-Ngọc (3) lắng tai đứng,
Đọc xong mỗi bài, cùng vỗ tay.

« Bẩm con không dám man cửa Giời,
« Những các văn con in cả rồi :
« Hai quyển Khối-Tình văn thuyết lý,
« Hai Khối-Tình-Con là văn chơi.
« Thần Tiên, Giấc-Mộng văn tiểu-thuyết.
« Đài-Gương, Lên-Sáu văn vị đời.

---

(1) *Tâm* 心 là tên một ngôi xao. Đây lấy nghĩa chữ *lâm* là lòng.

(2) *Cơ* 箕 cũng là tên một ngôi xao. Chữ *cơ* nguyên là cái mẹt, đây lấy nghĩa như là lè lưỡi.

(3) Song-Thành, Tiểu-Ngọc cũng là hai vị tiên, là thị-nữ của bà Tây-Vương-mẫu.

« *Quyển Đàn-Bà-Tầu* (1) *lối văn dịch,*
« *Đến quyển Lên-Tám nay là mười.*
« *Nhờ Giời, văn con còn bán được,*
« *Chửa biết con in ra mấy mươi.* »

Văn đã giầu thay, lại lắm lối,
Giời nghe, Giời cũng bược buồn cười.
Chư tiên ao-ước tranh nhau dặn :
« *Anh gánh lên đây, bán chợ giời.* »

Giời lại phê cho : « Văn thật tuyệt !
« *Ván trần được thế, chắc có ít !*
« *Nhời văn chuốt đẹp như xao băng !*
« *Khí văn hùng mạnh như mây truyền !*
« *Êm như gió thoảng ! tinh như sương !*
« *Đầm như mưa sa ! lạnh như tuyết !*
« *Chẳng hay văn-sĩ tên họ gì ?*
« *Người ở phương nào, ta chửa biết.*»

— Dạ, bẩm lạy Giời, con xin thưa :
« *Con tên Khắc-Hiếu, họ là Nguyễn;*
« *Quê ở Á-châu về Địa-cầu,*
« *Sông Đà núi Tản nước Nam-Việt.* »

Nghe xong, Giời ngợ một chút lâu,
Sai bảo Thiên-tào lấy sổ xét.

Thiên-tào tra sổ xét vừa xong,
Đệ sổ lên trình Thượng-đế trông :
« *Bẩm quả có tên Nguyễn-khắc-Hiếu,*
« *Đầy xuống hạ-giới về tội ngông.* »

Giời rằng : « Không phải là Giời đầy,
« *Giời định sai con một việc này ;*
« *Là việc thiên-lương của nhân-loại,*
« *Cho con xuống thuật cùng đời hay.* »

---

(1) Quyển Đàn-Bà-Tầu nay đã đổi làm Đài-Gương-truyện.

— Bẩm Giời, cảnh con thật nghèo khó,
« Trần-gian thước đất cũng không có.
« Nhờ Giời năm xưa học ít nhiều,
« Vốn-liếng còn một bụng văn đó.
« Giấy người, mực người, thuê người in,
« Mướn cửa hàng người bán phường phố.
« Văn-chương hạ-giới rẻ như bèo,
« Kiếm được đồng lãi thực rất khó.
« Kiếm được thời ít, tiêu thời nhiều,
« Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.
« Lo ăn lo mặc hết ngày tháng,
« Học ngày một kém, tuổi ngày cao.
« Sức trong non yếu, ngoài chen rấp,
« Một cây che chống bốn năm chiều.
« Giời lại sai con việc nặng quá,
« Biết làm có nổi mà dám theo.
— Rằng : Con không nói, Giời đã biết.
« Giời dẫu ngồi cao, Giời thấu hết.
« Thôi con cứ về mà làm ăn,
« Lòng thông chớ ngại chi sương tuyết.»
Vâng nhời Giời dạy, lạy xin ra,
Giời sai Khiên-Ngưu (1) *đóng xe tiễn.*
Xe giời đã chực ngoài thiên-môn,
Chư tiên theo ra cùng tiễn biệt.
Hai hàng lệ biệt, giọt sương rơi,
Trông xuống trần-gian vạn dặm khơi.
Thiên-tiên ở lại, trích-tiên (2) *xuống,*
Theo đường không-khí về trần-ai.

---

(1) *Khiên-Ngưu* tức tục gọi là xao Ngâu. Ngôi xao này giữ việc dắt trâu ở trên giời.

(2) Thiên-tiên là những vị tiên ở trên giời ; trích-tiên là vị tiên đầy xuống ở trần-thế.

Đêm khuya, khí thanh, xao thưa vắng,
Giăng tà đưa lối về non đoài.
Non đoài đã tới quê trần - giới,
Trông lên chư tiên không còn ai.
Tiếng gà xao-xác, tiếng người dậy,
Giữa sân còn đứng riêng ngậm-ngùi :
Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
Sao được mỗi đêm lên hầu Giời!

NGỮ NGÔN CỔ PHONG TRƯỜNG THIÊN

Bài tựa quyển Đài - Gương - truyện

Phàm dân trong một nước,
Một nửa là đàn bà.
Kể từ con gái bé,
Cho đến bà cụ già.
Đều là người của nước,
Mà lo việc trong nhà.
Nhà nào đàn bà hay,
Thịnh vượng mà vui hòa.
Nhà nào đàn bà hư,
Lụn-bại và xấu - xa.
Đây là truyện người Tầu,
Dịch ra chữ nước ta.
Trên từ vợ vua, quan ;
Dưới đến nhà dân - gia.
Mẹ hiền dạy con cái,
Con hiếu với mẹ cha ;

Vợ hay càng lắm vẻ,
Đạo tam-tùng hòa ba.
Ngoài ba đạo chính ấy,
Nhiều truyện còn thiết-tha.
Tư tính sao cao minh,
Thật tự giời sinh ra.
Hãy xem cách ăn ở,
Vẳng-vặc như gương nga ;
Lại những nhời ăn nói,
Như gấm càng thêm hoa.
Ấy các vị thánh hiền,
Cũng trong làng quần thoa.
Đất nước dẫu nam bắc.
Đạo lý không quan hà.
Phòng văn lúc nhàn rỗi,
Nhời quê diễn nôm na ;
Mong nhờ cơn gió thanh,
Hương thơm đưa gần xa.

Giở lên các điệu thơ

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE IMPRIMÉS R F

ĐIỆU HÁT PHONG DAO

Điệu phong-dao này nhiều câu lắm, nay chỉ lấy hai câu mà thôi.

Trách ai đánh đá nung vôi,
Trách ai ngả gỗ trên đồi đốt than.
Làm cho vôi bạc than đen,
Cho lòng đen bạc thế-gian lắm người.

Đêm qua mất cắp như chơi,
Có chỗ mất vợ, có nơi mất chồng.
Ông tơ nghĩ chẳng thẹn-thùng,
Còn đương chắp mối tơ hồng xe ai!

Câu sau này nói về Hà-nội

ĐIỆU HÁT SẨM

Cô tây đen

Nước trong xanh, lờ-lững con cá vàng; cây ngô cành bích, con chim phụng-hoàng nó đậu cao. Tiếc cho em phận gái má đào, tham đồng bạc trắng mới gán mình vào cái ông tây đen. Sợi tơ hồng ai khéo xe duyên, treo tranh tố-nữ đứng bên anh tượng đồng. Chị em ơi, ba bẩy đường chồng.

Sầm tự thán

Ngoảnh trông lên, anh dếch thấy có ra gì ; ai rằng giăng sáng, anh vẫn chỉ thấy si si cái bóng đen đen. Hội chùa Thầy (1) còn đương lúc đua chen, mau chân thời tới, hễ ươn hèn thời sa. Anh tiếc cho đôi con ngươi bèn chột lại bên lòa ! trèo non xuống dốc dễ ai mà giúp nhau. Cái phận ông Giời cho, khi tưởng đến mà đau ! giờ chưa mở mắt, biết mai sau ra thế nào ? Bây giờ đất thấp (mà) giời cao !

ĐIỆU HỀ CHÈO

Ống đùng (Hề bộ)

Giời đông chưa sáng, con chim quốc nó gọi dậy, tay tôi mang cái ống đùng. Tôi qua bụi này, tôi sang bụi nọ, tôi chen, tôi chúc, tôi chui, tôi dúc, hết các vùng ; tôi kiếm chim. Kìa kìa, trông như con sáo sậu, nó bay. nó đậu, nó bậu trên ngọn cái giây bìm. Đùng ! Hỡi các cô con gái bé, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu. mười bảy, mười lám, mười chín, có muốn ăn cái miếng chả, thời tìm lấy tôi !

---

(1) Làng Thầy tức là làng Sài-Sơn ở Sơn-Tây, cứ đến tháng ba thời có mở hội chùa, chơi núi. Hội ấy rất nhiều sầm.

Con sáo sậu (Hề không bộ)

Kia kìa, ai xui một đàn con chim sáo sậu, nó đậu trên cái lưng con bò? Ai làm bây giờ đục nước, cho những cái con cò nó kiếm ăn? Sợi tơ hồng ai khéo mà xe xoắn? Trên đầu em, ai dạy cái lăn khăn, nó mới ưa nhìn? Chắp đôi tay, anh vái lạy ông Hoàng-thiên, sớm sai ông Nguyệt-lão để xe duyên cho chúng mình. Dù duyên, dù nợ, dù tình; lòng anh bây giờ đã quyết, thời cô mình cũng phải nhất tâm. Ở đời, em ơi, được mấy mà tri-âm.

HÁT MIỄU NÓI

Hỏi gió

Cát đâu ai bốc tung giời?
Sóng sông ai vỗ? cây đồi ai dung?
Phải rằng đi Gió hay không?
Phong-tình đem thói lạ-lùng trêu ai?

快哉風也
Khoái tai phong dã!
Giống vô tình gỗ đá cũng mê-tơi.
Gặp gió đây, hỏi một đôi nhời,
Ta hỏi gió, quen ai mà phẳng-phất?
此是沱江非赤壁。
Thử thị Đà-giang phi Xích-Bích,
也無諸葛與周郎 (1)
Dã vô Gia-Cát dữ Chu-lang.

---

(1) Hai câu thơ này, nghĩa nói: Đây là sông Đà, chớ không phải khúc sông ở miền núi Xích-Bích; cũng không có ông Gia-Cát, ông Chu-Du nào.

Ai cầu phong, mà gió tự đâu sang ?
Hay mải khách đăn-chương tìm kết bạn ?
Gió hỡi gió, phong-trần ta đã chán,
Cánh chim bằng, chín vạn nhựng chờ mong (1).
Nên chăng ? gió cũng chiều lòng.

Giời mắng

Tình riêng trăm ngẫn mười ngơ,
Ngồi buồn lấy giấy viết thơ hỏi Giời.
Xem thơ, Giời cũng bượch cười,
Cười cho hạ-giới có người ngu-ngơm.

客 何 人 者
Khách hà nhân giả ?
Cớ làm sao suồng-sã dám đưa thơ !
Chốn thiên-cung ai kén rể bao giờ ?
Chỉ những sự vẩn-vơ mà giấy má !
織 女 鵲 橋 經 歲 嫁。
Chức-nữ thước kiều kinh tuế giá,
姮 娥 蟾 窟 老 秋 眠。
Hằng-Nga thiềm quật lão thu miên. (2)
Mở then mây quảng giả bức hồng-tiên,
Mời khách hãy ngồi yên trong cõi tục.
Người đâu kiếp trước Đông-phương-Sóc,
Ăn trộm đào, quen học thói ngày xưa (3).
Trần-gian đầy mãi, không chừa !

---

(1) Ở sách Trang-tử, con chim *bằng* đè từng gió mà bay lên, cao đến chín vạn dặm.

(2) Hai câu thơ này, nghĩa nói : Xao Chức-Nữ thời từ năm xưa đã qua cầu ô-thước đi lấy chồng ; gã Hằng-Nga thời chỉ ngủ xuông mãi ở cung thiềm. — Hai câu này theo của cụ Thiếu-bảo Dương Quất-Tầu mới xửa lại.

(3) Ông Đông-Phương-Sóc khi xưa là một vị tiên đầy

Đời đáng chán.....

Người đời, thử ngẫm mà hay :
Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê !
Còn ai, ai tỉnh hay mê ?
Những ai thiên cổ đi về những đâu ?

Đời đáng chán, hay không đáng chán ?
Cất chén quỳnh, riêng hỏi bạn tri âm.
Giá khuynh-thành nhất tiếu thiên kim (1)
Mắt xanh, trắng (2), *đổi nhầm bao khách tục.*

江 河 日 下 人 皆 濁
Giang hà nhật hạ nhân dai chọc,

天 地 鑪 中 孰 有 情
Thiên địa lò trung thục hữu tình (3).

Đón đưa ai gió lá chim cành ?
Ấy nhân-thế phù-sinh là thế thế.
Khách phù-thế chửa rước câu phù-thế,
Người phong-lưu càng đượm vẻ phong-lưu.

---

xuống trần-thế. Bà chúa tiên nói truyện rằng : « Cây đào tiên ở trên giời, ba nghìn năm mới nở hoa, lại ba nghìn năm mới ra quả. Thế mà Đông-Phương-Sóc đã ba lần ăn trộm đào »

(1) *Nhất tiếu thiên kim* 一 笑 千 金 là một cái cười giá đáng nghìn vàng.

(2) Nguyễn-Tịch, người đời nhà Tấn ở bên Tầu, làm được ra hai thứ con mắt, mắt xanh và mắt trắng ; gặp người như ý thời đãi bằng mắt xanh, gặp người không như ý thời đãi bằng mắt trắng.

(3) Hai câu thơ này, câu trên nghĩa nói: Giang hà đến lúc ngày càng kém thời người ta đều bỉ-tục; câu dưới nghĩa nói: Người ta ở trong lò của giời đất đúc ra, nào ai là có tinh.

Bức khăn hồng nàng đỡ hạt châu,
Truyện kim cổ một vài câu phải trái.
Châu Nam-hải, thuyền chìm sông Thúy-Ái,
Sóng Tiền-Đường, cỏ ái bến Ô-giang (1).
Ngẫm nghìn xưa, ai tài hoa, ai tiết-liệt, ai đài-trang,
Cùng một giấc mơ-màng trong vô trụ.
Đời đáng chán, biết thôi là đủ ;
Sự "chán đời" xin nhủ lại tri âm:
Nên chăng ? nghĩ lại kẻo nhầm.

---

(1) Hai câu này tất cả bốn điển : 1· *Châu Nam-Hải* là điển nàng Mỵ-Châu. Mỵ-Châu là con gái vua nước Thục, bị người chồng là Trọng-Thủy (con vua Triệu) lừa đảo, rồi đem quân sang đánh. Mỵ-Châu cùng bố chạy ra đến miền bể nam, bị bố chém chết ở đó, máu chôi xuống bể ; những con trai ở bể ăn cái máu ấy mà thành ra có ngọc trân-châu. — 2· *Thuyền chìm sông Thúy-Ái* là điển bà Phan-thị-Thuấn. Phan-thị-Thuấn là ái-thiếp của ông Ngô-cảnh-Hoàn là tướng-quân đời cuối Lê. Cảnh-Hoàn chết trận ở bến sông Thúy-Ái ; thị Thuấn dìm thuyền để chết theo. Ấy hai điển ở sử ta. — 3· *Sông Tiền-Đường* là điển nàng Tây-Thi. Nàng Tây-Thi nguyên là con gái nước Việt, vua nước Việt đem cống sang nước Ngô; vua nước Ngô, vì yêu nàng Tây-Thi mà mê chơi quá độ, sau bị quân Việt đánh mất nước. Vua nước Việt đã đánh được nước Ngô rồi, sai đem vướch nàng Tây-Thi xuống khúc sông Tiền-Đường. — 4· *Cỏ ái bến Ô-giang* là điển nàng Ngu-Cơ. Nàng Ngu-Cơ là ái-cơ của vua Hạng-vương. Vua Hạng-vương bại trận ở Cai-Hạ, nàng Ngu-Cơ tự vẫn chết, chôn ở gần bờ sông Ô-giang ; bờ sông đó thành ra nhiều thứ cỏ gọi là cỏ Ngu-mỹ-nhân. Ấy hai điển ở sử Tàu.

HÀNH-VÂN SANG NAM

Năm canh mối tình

Nghiệp phong-trần, nghiệp phong-trần, kẻn mặt tài-nhân. Sầu ôm gối, gối chiếc đêm xuân : chăn đơn sương lạnh, ngùi thương bóng đôi mình, đem tâm sự cùng ai. Trông ngọn đèn canh tàn hiu-hắt.

Người trong mộng, niềm nguyện mong, giục xui lòng : rỗ-ràng đôi lứa phụng, thành song thành song. Mừng Tạo-hóa, chắp mối tơ hồng. Tỉnh giấc cô phòng, dậy, thành không thành không! Sự sắt cầm chiêm-bao thành không. Cô phòng u-uất, ấy ai là bạn tri âm !

* * *

Tri âm cách nẻo phương giời, ai người nhủ hộ. Gió đông trệnh rèm tây, đưa gửi mấy câu.

Ai say ngủ một mình đâu ? giấc mồng chăng hử tìm nhau ? Xa mấy dặm ngàn dâu, nghe nhạn sầu thêm sầu.

Song thưa, gió thoảng bên màn, ôm đàn tưởng vọng. Bóng trăng lại kẻ hiên, luống những dón tin.

Thôi chi nói mơ mòng, tiếng thần-phong (1), nhắc gọi trời đông. Cái oanh, cái oanh vàng, my dâu lại chêu ai ? nhắn chi đặng đôi lời! Tương tư trọng, trẻ nhường khan giọng.

Ai biết nỗi sầu manh, mướn đưa mình, lên hỏi Trời xanh : sao ông Nguyệt-lão mần thinh ? Năm canh mối tình !

Giở lên các điệu hát

---

(1). Thần-phong là tên một thứ chim con.

ĐIỆU HÀNH

Thu khuê hành

Gió thu lạnh-lẽo mây giời quang,
Sân thu đêm khuya rơi lá vàng,
Giăng tà chim lặn, nhạn kêu sương,
Gối chiếc chăn đơn thiếp nhớ chàng.
Chàng đi xa cách nhớ quê hương,
Quê hương đất khách người một phương;
Mong chàng chẳng thấy, lòng ngùi thương.
Buồng không, canh vắng, bóng in tường.
Chỉ chỉ tơ tơ rối vấn-vương.
Nước mắt đậm-địa chôi quanh giường.
Tháng cũ đà qua, tháng mới sang,
Tháng sau tuần nữa những tư lường.
Ngày tháng đi chóng, năm canh trường,
Lác-đác xao tàn lấp-lánh gương.
Trên giời Chức-nữ cùng Ngưu-lang,
Một giải sông Ngân lệ mấy hàng.

TRƯƠNG ĐOẢN CÚ

Dịch bài thuật hoài của bà Kim-thị (1)

Ai bảo thiếp không chồng,
Thiếp còn được thấy chồng dương chết.
Ai bảo thiếp không con,
Vợ lẽ đẻ con cũng như thiếp.
Con đọc sách,
Thiếp dệt gai ;
Đêm đêm tiếng quạ kêu ngoài buồng không.
Con đã làm nên, thiếp đứng hóa;
Suối vàng chàng hỡi yên chăng tá.

NGUYÊN-VĂN

誰妾誰側兒妾空兒良
云猶及見夫子。與夫似。
妾無夫。

Thùy vân thiếp vô phu,
Thiếp do cập kiến phu phương tồ.
Thùy vân thiếp vô tử,
Chắc thất sinh nhi dữ phu tự.
Nhi độc thư,
Thiếp tịch lô ;
Không phòng giạ giạ vãn đề ô.
Nhi năng thành danh, thiếp bất giá,
Lương nhân mính mục hoàng tuyền hạ.

---

(1) Xem ở quyển Đài-Gương-truyện trang số 25.

ĐIỆU LỤC BÁT

Thề non nước

Nước non nặng một nhời thề,
Nước đi đi mãi ! không về cùng non.
Nhớ nhời " nguyện nước thề non",
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
Non xanh ngồi, đứng bên sông,
Suối tuôn giòng lệ, chờ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Giời tây ngả bóng tà-dương,
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phôi-pha.
Non cao tuổi vườnh chưa già,
Non sao nhớ nước, nước mà quên non !
Dẫu rằng sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.
Non xanh đã biết hay chưa ?
Nước đi ra bể, lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Huê tươi cỏ tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi nhời thề.

Xem thêm ở truyện Thề-Non-nước

Nói truyện với bóng

Phòng văn nửa khép cánh thu,
Đèn văn một ngọn trông lù-đù xanh.

Đứng lên, ngồi xuống một mình,
Khối tình ai nặn, lửa tình ai khêu.
Mập-mờ khi thấp khi cao,
Trông ra chẳng biết ông nào lại chơi ;
Nhận lâu sau mới bượch cười,
Té ra anh Bóng, chớ ai đâu mà.
Bóng ơi, mời Bóng vào nhà.
Ngọn đèn khêu tỏ đôi ta cùng ngồi.
Cùng nhau rãi một đôi nhời,
Ta ngồi ta nói, Bóng ngồi Bóng nghe.
Cõi đời khi cất tiếng oe,
Đã bên ngọn lửa lập-lòe có nhau.
Tương tri từ đấy về sau,
Đôi ta một bước cùng nhau chẳng dời.
Ta ngồi khi Bóng cũng ngồi ;
Ta đi, ta dừng, Bóng thời cũng theo.
Có khi lên núi qua đèo,
Mình ta với Bóng leo trèo cùng nhau.
Có khi quàng vắng đêm thâu,
Mình ta với Bóng âu sầu nỗi riêng.
Có khi rượu nặng hơi men,
Mình ta với Bóng ngả nghiêng canh tàn.
Có khi trẻ dượm mầu lan,
Mình ta với Bóng bàn-hoàn thú xuân.
Có khi bút thảo câu thần,
Mình ta với Bóng xoay vần nệm hoa.
Đôi khi sấm chớp phong ba,
Quộc đời nguy biến có ta có mình.
Đôi khi gió mát giăng thanh,
Bầu giời thanh thú riêng mình với ta.
Trăm năm cho đến cõi già,
Còn ta còn bóng còn là có nhau.

Trần-ai mặc những ai đâu,
Ai thương tử biệt, ai sầu sinh ly.
Còn ta, Bóng nỡ nào đi ;
Ta đi, Bóng có ở chi cõi trần.
Tin nhau đã vẹn muôn phần,
Cũng xin rài hết xa gần cùng nhau.
Bóng nghe, Bóng cũng gật đầu.

Chơi Huế

Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ ;
Yêu em, anh cứ anh vô,
Kẹ chuông nhà Hồ, mặc phá Tam-giang. (1)
Xe hơi đã tới đèo Ngang,
Ấy qua Hà-Tĩnh, đường sang Quảng-Bình.
Danh sơn gặp khách hữu tình,
Đèo Ngang ơi hỡi, là mình với ta.
Con cháu chúa, nước non nhà,
Không đi không lại nên ra lạ-lùng.
Dừng xe, lên đỉnh ta trông,
Mặt ngoài bể nước, bên trong núi rừng.
Nhớ từ hoàng Nguyễn long hưng,
Cơ-đồ gây dựng cũng rằng từ đây. (2)

---

(1) Chuông nhà Hồ là một chỗ dữ giặc dã ; phá Tam-Giang là chỗ dữ sóng nước. Ấy là hai chỗ nguy hiểm trong con đường vào Huế khi xưa. — Bốn câu này mượn dùng câu hát cổ mà đổi lại.

(2) Xưa từ khi đức Thái-tổ nhà Nguyễn ta vào trấn-thủ Thuận-Hóa, có câu rằng : 橫山一帶，萬代容身。 *Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân.* Nghĩa là : "một giải núi Hoành-sơn, muôn đời dung thân được". Hoành-sơn tức là đèo Ngang.

Giang san từ ấy đến nay,
Nào giăng mặt bể, nào mây trên ngàn.
Ải xưa bia cũ còn truyền(1)
Oai linh cảnh thắng, bàn-hoàn khách du.
Chiều xuân êm-ả như đưa,
Thuận xe lại cứ dập cù như bay.
Càng vào mãi, càng sinh hay,
Càng trông cảnh vật đổi thay lạ nhường:
Nhỏ to mả trắng bên đường,
Xa xa mé bể cồn vàng thấp cao.
Dọc đường dân chúng biết bao,
Ruộng tinh hữu ái như rào trận mưa.
Rồng tiên cùng họ từ xưa.
Ba mươi năm mới bây giờ gặp nhau.
Nhận xem áo vải quần nâu,
Gái, giai, già, trẻ một màu không hai.
Văn-minh giầy đã bán-khai,
Ngợ sao còn hãy như đời Hùng-vương.
Giời tây ngả bóng tà-dương,
Ô-tô lại đổi lên đường hỏa-xa.
Ấy từ Quảng-Trị Đông-Hà,(2)
Đi năm ga nữa vừa là tới Kinh.
Kinh-thành gái lịch giai thanh,
Cảnh thêm Hương-Thủy, Ngự-Bình điểm tô. (3)
Con người xứ Bắc mới vô,
Mừng nay được thấy Đế-đô một lần.

---

(1) Trên núi này, chỗ đường xe ô-tô đi qua, có cửa ải và bia từ xưa để lại.

(2) Tỉnh Quảng Trị, ga Đông-Hà.

(3) Sông Hương-giang, núi Ngự-Bình là phong cảnh sơn thủy ở Huế.

Hoàng-thành cung điện liền vàn.
Dinh quan Khâm-sứ đóng gần một nơi.
Quan dân ở cả thành ngoài,
Quanh thành tám cửa sông dài bọc quanh.
Lại bao phố xá ngoài thành,
Trên cầu xe ngựa, ghe mành dưới sông.
Đông-Ba, Gia-Hội càng đông ; (1)
Gịp cầu nhẹ bước xa trông càng tinh.
Giòng sông trắng, lá cây xanh,
Xuân giang xuân thụ cho mình nhớ ai !
Ngày xuân có lúc đi chơi,
Lăng chùa qua biết các nơi quanh gần.
Đế-kinh đã gội mưa nhuần,
Tiện theo đường sắt vô dần xứ trong.
Một đi thêm một lạ-lùng :
Xe chui hầm tối (2), *bể trùng sóng cao.*
Dưới đường sóng bể nhẩy reo,
Như mừng bạn mới, như chào khách xa.
Hải-Vân đèo nhớn vừa qua,
Mưa xuân ai bỗng đổi ra nắng hè. (3)
Tiết giời như đã sang hè,
Mà theo phận đất thời về Quảng-Nam.
Càng đi rộng, càng biết thêm,
Tu-Ran cảnh vật càng xem càng mừng.

---

(1) Đông-Ba, Gia-Hội là hai phố đông vui nhất ở Huế.

(2) Khoảng đường xe lửa ở Huế vào Tourane, có chui qua chín cái đường tối (tunnel).

(3) Núi Hải-Vân ở giáp giới hai tỉnh Thừa-Thiên và Quảng-Nam, khi ấy đi qua bên ngoài còn là mưa xuân mà bên trong đã như nắng hè vậy.

Nước xuân sóng lục vô chừng,
"Lục ba xuân thủy" ai từng học chưa ?
Vào nhà Tích-cổ xem qua,
Chiêm-Thành này tượng ngày xưa hãy còn !
Biết bao vật nhỏn hình con,
Trạm rồng cột đá chưa mòn nét dao. (1)
Cảnh còn như rước như chào,
Tiếc thay ! ai mới qua vào đã ra.
Đường về cũng thế mà xa,
Chiều hôm mười tám đến ga Hà-thành.
Chơi xuân kể lại hành-trình,
Ngày ba mươi tết hứng tình ra đi.
Tự Bất-Bạt, qua Việt-Trì,
Còn năm kỷ-vị, còn thì-tiết đông.
Canh-thân ăn tết Thăng-Long,
Sang ngày mùng bốn vào trong Trung-Kỳ.
Chơi xuân ta nghĩ cũng kỳ !
Gặp dâu may-mắn cũng vì có ai. ?
Cám ơn hai chữ liên tài,
Còn tình, còn nghĩa, còn dài sắt son.
Còn giời, còn nước, còn non,
Tiền trình vạn lý, anh còn chơi xa.
Chơi cho biết mặt sơn hà,
Cho sơn hà biết ai là mặt chơi.

---

(1) Ở phố Tourane nay có nhà Tích cổ chứa những đồ vật của vua nước Chiêm khi xưa, trong có nhiều vật lạ, như những cái cột đá rõ nhỏn mà chạm hình con rồng, hãy còn y-nguyên cả.

(2) Chuyến đi chơi này là cùng đi với ông Bùi huy-Tín. Chữ *ai* đây là nói vào ông Tín.

Trông giăng cảm tưởng

Đêm thu giăng sáng một giời,
Một mình ngồi tưởng sự đời nghĩ quanh.
Nghĩ cho muôn vật hóa sinh,
Ở trong vô trụ cái hình ra chi !
Giăng kia tròn được mấy khi;
Hoa kia nở được mấy thì hỡi hoa.
Gái tơ quá lứa đã già;
Con tằm rút ruột thời là rộng non.
Khúc sông bồi lấp nên cồn.
Dâu xanh bãi bể, đá mòn nước khe.
Đồng không con đóm lập-lòe,
Khách trần lối ấy đi về những ai.
Hình kia đúc tự thợ Giời ;
Tình kia họa mới ra ngoài khuôn xanh.
Vọng-Phu còn đá còn trinh (1).
Tiền-Đường còn sóng trung tình hãy còn (2.)
Dẫu cho sông cạn, đá mòn,
Trung hồn khôn thác, trinh hồn khôn tan.
Cho hay những khách trần-hoàn,
Nghìn xưa ở lại thế-gian mấy mà!
Trông lên một mảnh giăng tà,
Soi chung kim cổ biết là những ai.
Mà người kim cổ những ai ?

---

(1) Ở bên Tàu có núi Vọng-Phu, tương truyền rằng ngày xưa có người đàn bà tiễn chồng đi lính xa, trèo lên đỉnh núi ấy mà đứng trông, rồi hóa hình ra hòn đá.

(2) Ông Ngũ-tử-Tư là trung thần của nước Ngô, can vua nước Ngô mà bị giết, bỏ vào túi da vứt xuống sông Tiền-Đường.

Tập Kiều viếng Kiều

Bài này in thử mười vần đổi mới, nói ở trang thứ 11 trong quyển Lên-Sáu.

Onh, ônh, ơnh, unh. urnh,
Och. ôch. ơch, uch, urch.

Lấy thân mà giả nợ đời,
Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân.
Phonh-lưu rất mực hồnh-quần,
Mười lăm năm, bấy nhiêu lần làm gương.
Thề hoa chưa ráo chén vàng,
Bán mình vội phải tìm đường cứu cha.
Lênh-đênh đâu nữa cũng là,
Cái thân liệu nhưnh từ nhà liệu đi.
Khi Vô-Tích, khi Lâm-Tri,
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.
Đùnh đùnh gió giục mây vần,
Hồnh-quân với khách hồnh-quần đã xoay.
Cửa giời rộnh mở đường mây,
Hay là khổ tận, đến ngày cam lai.
Triều-đình riêng một góc giời,
Mua vui cũnh được một vài trốnh canh,
Kiếp hồnh-nhan có monh-manh,
Khuôn thiêng lừa-lọc đã đoành có nơi.
Thương ơi, sắc nước hương giời !
Ngàn thu bạc mạnh, một đời tài hoa,
Đau đớn thay ! phận đàn bà,
Thẻo thay thác xuống làm ma khônh chồnh.
Lửa hương chốc để lạnh-lùnh,
Nào người tiếc lục tham hồnh là ai ?

Nhời quê chắp nhặt rỏnh-rài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.
Vì đem vào tập đoạn-trường,
Hoạ là người dưới suối vàng biết cho.

Ếch mà. (Hài văn)

Khoảng thu đông, sương xuống, gió lạnh, nước ao cạn, ếch chui vào mà. * Rô, riếc, chê, chuối, cua. ốc, tôm, tép, đều có ý chê là vô tình. Ếch ngồi mà tự nghĩ riêng rằng : như mình, hai bàn tay không làm được việc gì, từ khi ra với đời, chỉ ăn cho no lòi tủ-vả, rồi phi nhẩy hão vô ích thời lại ngồi dương mắt ra đấy thôi. Thôi thời đành ngồi tho mà chịu tiếng vô tình, còn hơn nhẩy lắm mà vô ích. Nghĩ vậy, Ếch ngồi ngâm một bài, đề mà gửi đi rằng :

Phượng kêu trái núi bên tê, (1)
Hồng bay bốn bể. Nhạn về nơi nao (2).
Cánh Bằng đập ngọn phù-dao. (3)
Đầm xa tiếng Hạc lên cao vọng giời. (4)

---

(1) Câu này lấy ở chữ kinh Thi : *Phụng-hoàng minh hỹ, vu bỉ chiêu-dương.* 鳳凰鳴矣，于彼朝陽.

(2) Sách nho có chữ rằng : 鴻飛冥冥 *Hồng phi minh minh*, là chim hồng bay từ lúc mờ mờ. Lại có chữ rằng : 鴈南歸 *nhạn nam qui*, là chim nhạn về phương nam.

(3) Câu này lấy ở chữ Trang-tử : *Bằng đoàn phù-dao.* 鵬摶扶搖. *Phù-dao* là ngọn gió.

(4) Câu này lấy ở chữ kinh Thi : *Hạc minh vu cửu cao, thanh vấn vu thiên.* 鶴鳴于九皐，聲聞于天. — Bốn câu này chỉ là nói các vật qui đi hết những nơi xa.

Ao thu lạnh-lẽo sự đời,
Cành sương ngọn gió bời bời lá tre.
Lắng tai Ếch những ngồi nghe:
Tiếc xuân Quốc đã qua hè. ai thương.
Tràng Ve khóc đói năn sương ;
Cô Oanh học nói như nhường công tai.
Nỏ mồm chú Khiếu hót ai ?
Vì ai ? bác Cú đêm dài cầm canh.
Canh khuya cậu Vạc mò ăn,
To mồm sơi cắp là anh Quạ đùng.
Diều-Hâu rít lưỡi giữa đồng ;
Tặc-Kè nghiến lợi, Thạch-Sùng chép môi.
Gáy đâu Gà mái nhà ai ;
Mèo gào, Chó hú, trện giời Lợn kêu.
Ếch nghe cũng đã đủ điều,
Ếch trông cũng đã đủ nhiều trò vui.
Thôi thời Ếch cũng xin lui,
Ẹp mình, rén bước, Ếch chui vào mà.
Ngồi mà nhắn bạn ao ta,
Bèo xưa nước cũ vuỡnh là có nhau.
Còn bèo còn nước còn lâu,
Còn xuân sắp tới, còn thu chưa tàn.
Còn nhiều ơn ái chan chan,
Còn khăng-khít nghĩa, còn ran-riu tình.
Hang lan thanh vắng một mình,
Mấy nhời ỷ-ọp thảo trình tương-tri.
Lá bèo ngọn gió đưa đi.

SONG THẤT LỤC BÁT.

Mưa thu đất khách

Mưa mưa mãi ! ngày đêm rả-rích;
Giọt mưa thu, dạ khách đầy vơi.
Những ai mặt biển chân giời,
Nghe mưa, ai có nhớ nhời nước non?

Vợ chồng người đốt than trên núi.

Bài này, khi làm việc ở Hữu-Thanh, chữa văn lai cảo.

Đèn Hà-nội sáng choang lửa điện,
Quanh hồ Khươm xe điện cao-xu.
Rừng Ngang (1) sương khói mịt mù,
Gió âm, giăng lạnh. cây lù-rù đen.
Rừng một giải, cây chen vạn gốc;
Gốc cây rừng, một nóc nhà gianh;
Trong nhà, một ngọn đèn xanh;
Dưới đèn mờ vẽ bức tranh ba người :
Con thời quấy, vợ thời miệng dỗ,
Chồng lưi-cui đan rổ đựng than.
Đêm khuya con ngủ đèn tàn,
Một hai thế-sự, muôn vàn tình-thâm.
Chàng chàng hỡi, tri âm từ thủa,
Nỗi sinh-nhai dìu bùa, bếp lò.

(1) Rừng Ngang là một giải rừng nhỏn ở mạn tây bắc Bắc-kỳ.

Nghĩ mình cũng đấng trượng-phu,
Tày nho chữ nghĩa không thua chi đời.
Đời nào đã mấy ai tài trí,
Cũng vinh hoa phú qui như không.
Cũng xe bóng, cũng ngựa hồng,
Cũng trăm, nghìn, vạn bạc đồng trong tay.
Chàng chẳng nghĩ cho tầy người khác,
Lối công danh chen bước kịp thì;
Làm cho phỉ chí nam-nhi,
Trước là phu qui, sau thì phụ vinh.
Chẳng hơn ở rừng xanh một giải ?
Sớm sương non ! tối lại giăng ngàn!
Bòng bong đồi mớ củi tàn!
Con reo rắt đói, vợ than thở nghèo !
— Mình mình hỡi,nghĩ sao mà hẹp!
Kiếp ở đời là kiếp phù-sinh:
Mây vàng chớp nhoáng bên mình,
Sinh sinh hóa hóa cải hình phù-du.
Xưa nay ngẫm sang giầu cũng lắm,
Cuộc trăm năm chơ nắm đất vàng.
Cõi đời nghĩ đã mơ màng.
Nỗi đời lắm nỗi nghĩ càng thêm đau :
Mình chẳng thấy kêu sầu mùa hạ?
Con quốc kia ròng-rã nắng mưa.
Ấy hồn Thục-đế khi xưa,
Bởi đâu thương tiếc, hồn chưa hóa hồn. (1)

---

(1) Con quốc kêu mùa hè, người ta tương truyền rằng ấy là hồn vua nước Thục ở bên Tàu khi trước. Vua nước Thục vì sự mất nước, hồn còn tiếc nước, hóa làm con *đỗ-quyên*, tức là *con quốc*.

Lại chẳng thấy kêu buồn con mối ?
Tắc lưỡi kêu, khơi mối não-nùng ;
Ấy xưa cự phú Thạch-Sùng,
Bởi đâu thương tiếc, cho lòng còn cảm. (1)
Lại lắm kẻ còn lăm phú quí,
Lấm đầu lươn luồn lụy vào ra :
Chồng chồng vợ vợ vinh hoa,
Mà trong vinh hiển xót-xa đã nhiều.
Cũng có kẻ hồn tiêu mũi bể,
Nhọn chào tan giọt lệ gia hương.
Người thời tội gánh nợ mang,
Kẻ thời con bán vợ nhường chia tan.
Đời sâu thám muôn vàn xiết kể,
Cảnh phong-lưu ai dễ hơn thầy :
Bụi hồng mặc khách đông tây,
Quầy than đủng-đỉnh, tháng ngày tiêu-rao.
Nhà gianh cỏ leo-teo mà mát,
Cơm muối rưa xuông nhạt càng thanh.
Đòi khi ngọn núi đầu ghềnh,
Vui duyên giăng gió, mặn tình cỏ hoa.
Khi than đắt, rượu ba bầy hớp,
Vợ, chồng, con, hòa hợp một đoàn;
Thú vui lắm thú thanh nhàn,
Khúc ca tiếng hạc, cung đàn gió thông.
Sướng đến thế, mà không biết sướng ;
Còn than thân, mong tưởng như ai.

---

(1) Con mối hay tắc lưỡi, người ta tương truyền rằng ấy là người Thạch-Sùng khi trước. Người Thạch-Sùng, người đời nhà Tấn ở bên Tầu, nhà giầu nhất nước ; sau bị cướp phá, tự vẫn chết, hồn còn tiếc của, hóa làm con mối, hay tắc lưỡi. Cho nên con mối cũng gọi là con *Thạch-Sùng*.

Dại đâu có dại lạ đời !
Ngu đâu mà lại có người quá ngu !
Người phải biết tự-do là thú ;
Mất tự-do, còn có ra chi !
Canh tàn thôi liệu ngủ đi !
Ngủ cho đầy giấc, mai thì bán than !

Thư trách người tình-nhân không quen biết

Cuối quyển Khối-Tình-con thứ hai, có thư đưa người tình-nhân không quen biết, mà đến sau không thấy giả nhời ; vậy có thư trách này. Điệu văn cũng theo bức thư trước.

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này, gửi trách ai.
Non nước bấy lâu lòng tưởng nhớ,
Mà ai tri-kỷ vắng tăm hơi !

Đỉnh non Tản, mây giời man-mác,
Giải sông Đà, bọt nước lênh-bênh ;
Bao nhiêu cảnh, bấy nhiêu tình,
Nước kia mây nọ như mình với ta.
Người đâu tá? quê nhà chưa tỏ;
Tuổi bao nhiêu ? tên họ là chi ?
Đã sinh cùng nước cùng thì,
Cùng ta không biệt mà ly, hỡi mình !
Kể từ độ thư tình gửi nhắn,
Trải bao năm tin nhạn chờ mong.

Những là ngày hạ đêm đông,
Hồi âm chẳng thấy, như không có mình.
Hỏi cùng núi, mây xanh chẳng biết ;
Hỏi cùng sông, nước biếc không hay.
Sông nước chảy, núi mây bay,
Mình ơi ! có biết ta đây nhớ mình ?
Cuộc trần-thế công danh chẳng thiết,
Ấy phong-lưu huê nguyệt đã thừa ;
Nhớ mình ra ngẩn vào ngơ,
Trông mây, trông nước, nay chờ mai mong.
Mong giáp mặt, mặt không giáp mặt ;
Chờ tin thư, thư mất tin thư.
Tháng ngày thấm-thoắt thoi đưa,
Tuổi ba mươi lại đã dư một vài.
Câu tri kỷ cùng ai tri kỷ,
Truyện chung tình ai kể chung tình.
Bụi hồng vắng-vẻ mắt xanh,
Mình ơi, ta nhớ, mà mình quên ta !
Không quen biết cũng là quen biết,
Ta nhớ mình ta viết thư chơi.
Thư tình này bức thứ hai,
Tiếp thư, xin chớng giả nhời cho nhau.

ĐIỆU TỨ LỤC

Cứu cấp sự sợ vợ (Hài văn. — 1914)

Vợ chồng lấy nhau có *tình* 情. *Tình* sinh *ái* 愛. *Ái* sinh *úy* 畏. *Úy* là sợ. Vợ vẫn là một vật đáng sợ, nhưng sợ đó là một nhẽ chính. Còn như vợ giầu mà sợ ; vợ thần thế mà sợ ; vợ hung hãn mà sợ thời sợ đó là ba nhẽ biến. Sợ một nhẽ chính, thời là *ông chồng* ; sợ một chính một biến thời là *anh chồng* ; sợ một chính hai biến, thời xuống là *thằng chồng* ; sợ cả đến ba biến thời *nguy*, nguy thời phải cứu cấp. Tớ vốn là một kẻ sợ vợ, nhưng chưa có mà sợ ; chưa có mà sợ, nhưng có cũng tất sợ ; có cũng tất sợ, nhưng chưa biết sợ vào hạng nào. Nay hãy vì các chúng bạn, ai sợ đến ba biến, thảo một thiên cứu cấp. Tụng được trăm lượt, chắc có độ ách một đôi phần.

Văn rằng :

Thằng Cuội ngồi trong cung nguyệt,
Chim khôn mắc phải lưới hồng,
Là mình với ta,
Chẳng duyên thời nợ.
Cơ giời tác hợp, sợi tơ mành xe chặt lấy nhau ;
Bể ải đầy vơi, nén hương nguyện cho tròn một kiếp.
Như Mỗ nay,
Con nhà gia-giáo,
Cũng mạch thư-hương,
Mặt vuông, tiền không,
Lưng dài, vải tốn,

Tuổi mới độ đôi chín ba mươi dĩ lý, đã rượu sớm trè trưa.

Học chưa xong tam-hoàng ngũ-đế chi thư, lại a tròn b méo.

Chồng con thế ấy.

Ai người dễ ưa.

Thế mà,

Nệm ủ chăn lồng, nghĩa cũ bấy lâu ẻm ái ;

Cơm hầu canh dẫn, lòng riêng riêng cũng kính yêu.

Cũng mong cho một bước một hay ; được như ai ông cống ông nghè, có danh có giá ;

Không ngờ lại mỗi ngày mỗi dốn, để đến nỗi con tườu con khỉ, mang tiếng mang tai !

Trăm năm lâu dài,

Một phen giận dữ.

Sự thế thế nào phải thế, bao quản mình lươn ;

Phận dành chi dám kêu oan, còn nhờ lượng bể.

Nam-vô-Phật ngồi trên tam bảo ! phổ cứu cho chúng sinh !

A-gi-men lạy đức chúa Giời ! tôi là kẻ có tội.

Nhời dẫn trước bài tựa truyện Tỳ-Bà

(Xem ở quyển Tỳ-Bà.)

Ngựa tuấn nọ để còn xương thiên lý, ngàn vàng chưa dễ mấy ai mua. (1)

---

(1) Xưa có ông vua thích chơi ngựa, sai người đem nghìn vàng đi tìm con ngựa hay để mua ; đến nơi thời con ngựa đã chết, mua bộ xương đem về. — *Tuấn* là tên một thứ ngựa hay. *Thiên lý* là nói con ngựa chạy nghìn dặm.

Ngọc bích kia chưa tỏ giá liên thành, giọt lệ chớ hoài riêng kẻ khóc (1)

Cho nên,

Lan có cây mọc trong hang tối (2)
Gà có con rướch bỏ lông đuôi. (3).
Đem tài hoa mà ai oán với trần-ai.
Chẳng thà giấu hương sắc để lánh chơi ngoài cõi tục vậy.

Ấy đã thế-gian là thế; giận làm chi, mà dỗi nữa làm chi.

Thôi thời tri-kỷ mà chi; tẻ cũng thế, có vui thời cũng thế.

Ngẫm từ trước biết bao tài-tử,
Mà trong trần nào mấy tri âm.

---

(1) Xưa có họ Biện-Hòa, người nước Sở, bắt được hòn ngọc bích còn ở trong hòn đá, đem dâng vua Sở là Lệ-vương. Lệ-vương giao cho thợ ngọc xét. Thợ ngọc bảo là đá. Biện-Hòa phải tội nói dối vua, bị chặt một chân bên tả. Sau lại đem dâng vua Võ-vương. Thợ ngọc lại bảo là đá. Hòa lại bị chặt nốt một chân bên hữu. Vua Văn-vương lên ngôi, Hòa ôm hòn ngọc đá mà khóc ở dưới chân núi ba ngày ba đêm, nước mắt hết, ra máu. Văn-vương bèn sai người lấy hòn đá đem rũa thời bượch ra được hòn ngọc bích. Ngọc bích ấy sau về vua nước Triệu có, vua nước Tần xin đổi lấy một giẫy hai mươi nhăm cái thành. — *Liên thành* là một giẫy thành liên.

(2) Sách nho có chữ *Lan sinh u cốc* 蘭生幽谷 là cây lan mà mọc trong hang tối.

(3) Trong sách *Tả truyện*: Người Tàn-Mạnh nhà Chu đi qua một cánh đồng, trông thấy một con gà sống tự rướch bỏ lông đuôi; hỏi kẻ hầu Thưa rằng: « Ấy là nó sợ vì phải làm con gà thờ. »

Bạch-tuyết Dương-xuân, (1)
Cao sơn lưu thủy : (2)
Chẳng cứ gì Ly-Tao với Tỳ-Bà-ký, (3)
Chẳng cứ gì Khuất-Nguyên với Cao Đông-Gia (4
Nếu trần-ai ai cũng biết ai,
Ai còn phải vì ai cảm khái,
Cội thông lũa chơ-vơ đỉnh núi, dầm thấm tuyết sương.
Bông huệ đào hớn-hở gió đông, đại-đằng ong bướm.
Kiếp văn tự ngẫm ra nhường cũng rứa, trải trăm tuổi đến khi đầu bạc, phí bao nhiêu tiếng khóc tiếng cười.

Khách cổ kim nào có khác chi nhau ; hỏi nghìn thu xin giọt mực đen, xóa cho hết chữ tài chữ ngộ.

Nhân tôi xem quyển truyện Tỳ-Bà của ông Đoàn-tư-Thuật dịch thuật mà trước có bài tựa của ông Mao Thanh sơn,

---

(1) Xưa có một người khách đi qua kinh-đô nước Sở mà hát khúc *Hạ-lý-ba-nhân* (điệu hát nhà quê, không hay) ; người trong nước họa mà hát theo, có đến vài nghìn người. Khách lại hát khúc *Dương-a Dạ-lộ* (điệu hát hơi hay) ; người trong nước họa mà hát theo có được vài trăm người. Khách hát đến những khúc *Dương-xuân Bạch-tuyết* (hai điệu hát thật hay) ; họa mà hát, chỉ còn được có vài mươi người.

(2) Ngày xưa ông Bá-Nha hay đàn, gặp được ông Chung-tử-Kỳ sành nghe. Bá-Nha đánh đàn, trong bụng đương nghĩ ở ngọn núi cao ; Tử-Kỳ khen rằng : « Tiếng đàn vời vợi như trên ngọn núi cao. » Một lát, Bá-Nha bụng lại nghĩ về nước chảy ; Tử-Kỳ khen rằng : « Tiếng đàn lưu-loát như một giòng nước chảy. » Chung-Tử-Kỳ chết, Bá-Nha đập bỏ đàn, rướch đước bỏ giầy, cho là ở đời không còn có ai tri âm.

(3,4) Kinh Ly-Tao của Khuất-Nguyên soạn ; truyện Tỳ-Bà của Cao Đông-Gia soạn.

Vậy tôi có mấy nhời viết đây, rồi xin viết xuống bài tựa về quyển truyện Tỳ-Bà dịch nôm của ông Đoàn-tư-Thuật.

Dịch bài Bình Ngô đại cáo

Vua Lê Thái-tổ đã dẹp yên giặc Minh, có nhời bá-cáo cho quốc-dân cùng biết.

Mở nhân nồi nghĩa, cốt lấy yên dân ;
Dẹp loạn cứu dân, chẳng qua trừ bạo.
Như nước đại Việt ta thử nghĩ,
Thật là văn hiến không kém ai.
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần mở mặt giang sơn :
Cùng Hán, Đường, Tống, Minh, chia ngôi vương đế.
Mới rồi,
Chỉ nhân vì chính-trị họ Hồ, phiền nhiễu độc ác ;
Xui nên nỗi lòng người trong nước, oán phẫn chia tan.

Người nước Minh nhân dược dịp sang ta ;
Lũ gian ác lại cùng nhau bán nước.
Từ khi ấy giở lại,
Kể có hai mươi năm.
Dưởch đường nhân nghĩa, phũ sức binh đao nghĩ nỗi thảm không còn giời đất.
Rộng mẹo gian tham, nặng điều thuế dịch, dầy tài tham vét hết non sông.
Thiên địa chẳng dung,
Quỉ thần cũng giận.

Ta đây,

Từ núi Lam nổi bước,

Nơi hẻo lánh nương thân ;

Hơn mười năm đau ruột nát gan,

Trải bao độ nằm gai nuốt đắng. (1)

Giươm thần mới mở,

Thế giặc đương to.

Khôi-huyện quân tan,

Linh-sơn lương hết.

Bốn phương họp những phường xiêu rạt, ngọn tre cờ hiệu phất nên đồ.

Ba quân cùng một dạ cha con, hớp rượu giòng sông say vị nghĩa. (2)

Vậy rồi mà,

Lấy quân nhân nghĩa,

Thắng kẻ hung tàn.

Lũ giặc kia hết khôn hết khéo, bó tay chịu chết.

Quân ta chỉ dùng mưu dùng kế, cười cổ như chơi.

Loài hổ lang đà đến lúc sa cơ,

Lượng giời bể ta cũng tha làm phúc.

Trước cấp cho Tham-tướng Phương-Chính, Nội-quan Mã-Kỳ, thuyền hơn năm trăm chiếc ; qua sông thôi mà còn như mất vía kinh hồn.

Lại cấp cho Tổng-binh Vương-Thông, Tham-chính Mã-Anh, ngựa hơn mấy nghìn con ; về nước đó mà càng vẫn ghê lòng sởn gáy.

---

(1) Trong khi vua Câu-Tiễn nước Việt mưu báo thù nước Ngô, thường nằm trên đống gai, nếm vị mật đắng, chỉ để không quên sự báo thù vậy.

(2) Vua Câu-Tiễn đánh Ngô, đóng quân trên bờ sông, có người dâng một chai rượu ngon, Vua sai đem đổ xuống sông, cho quân lính đều đón ở giòng dưới mà uống.

Lũ kia đã sợ chết tham sống, mà thật bụng giảng hòa.

Ta đây lấy toàn quân làm hơn, để cùng dân yên nghỉ.

Ôi nghĩ như,

Một chiếc áo nhung, chin phương yên định, (1) *trải mười thu giờ mới thấy đây.*

Từ nay bốn bể, muôn kiếp thanh bình ; khắp trăm họ nhủ cho cùng biết.

NGUYỄN-VAN

仁去自明使民詭十厚亦首日日旅
義暴。趙面人惡計年。欵。怒者當。靈。揭。
之舉。如我大越之國。實爲文獻之邦。
要在安民。弔伐之師。莫先

---

(1) Trong sách Mạnh-tử có câu : « *Nhất nhung y nhi thiên hạ đại định* 一戎衣而天下大定 » là nói vua Võ-vương nhà Chu mặc một chiếc áo nhung (áo mặc để ra trận) mà yên định được thiên-hạ.

壬。而智而既予政。既王匹。既全戎清。
父勝窮心掉亦內渡通。已畏軍大誕
子凶而攻。殘體官江參還死爲定。布
之殘。以力盡。束手待亡。我謀撫。維新之
兵一心。仁而易彊暴。彼伐彼殺。方艘。兵餘彼以一永
義彼伐彼殺方艘兵餘彼以一永

Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân ; điếu phạt chi sư, mạc tiên khử bạo. Như ngã đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang. Tự Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc, dữ Hán, Đường, Tống, Minh nhi các đế nhất phương. Khoảnh nhân Hồ chính chi phiền hà, chí sử nhân tâm chi oán bạn. Minh nhân tứ khích, nhân dĩ độc ngã dân ; ác đảng hoài gian, cảnh dĩ mại ngã quốc. Khi thiên võng dân, quỉ kế cái thiên vạn trạng. Liên binh kết hấn, nẫm ác đãi nhị thập niên. Bại nghĩa thương nhân, cần khốn cơ hồ dục tức ; trọng khoa hậu liễm, sơn trạch võng hữu khiết dĩ. Thiên địa bất dung, quỉ thần diệc nộ. Dư phẫn tích Lam-sơn, thệ thân hoang giã, thống tâm tật thủ giả thùy thập dư niên ; thường đởm ngọa tân giả, cái phi nhất nhật. Đương nghĩa kỳ sơ khởi chi thu, chính tặc thế phương trương chi nhật. Linh-sơn chi thực tận kiêm tuần, Khôi-huyện chi chúng vô nhất lữ. Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập ; đầu đao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm. Tốt năng dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, dĩ chí nhân nhi dịch cường bạo. Bỉ tri cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong ; ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất. Tặc thủ thành cầm, bỉ kỳ trạo tàn tốt khất lân chi vĩ ; thần võ bất sát, dư điệc thể Thượng đế hiếu sinh chi tâm. Tì am-tường Phương-

Chính, Nội-quan Mã-Kỳ, tiên cấp hạm ngũ bách dư xưu, ký độ giang nhi do thả hồn phi phách tán ; Tổng-binn Vương-Thông, Tham-chính Mã-Anh, hựu cấp mã số thiên dư thất, đĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật tâm kinh. Bỉ ký úy tử tham sinh nhi tu hiếu hữu thành ; dư dĩ toàn quân vi thượng nhi dục dân dữ tức. Ô hy ! Nhất nhung đại định, hất thành vô cạnh chi công ; tứ hải vĩnh thanh, đản bá duy tân chi cáo.

TRƯỜNG ĐOẢN CA

(Điệu mới)

Cảm thu tiễn thu

(*Tháng chín năm . . . . . .*)

Từ vào thu đến nay,
Gió thu hiu-hắt,
sương thu lạnh,
Giăng thu bạch,
Khói thu sày thành.
Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,
Sông thu đưa lá bao nghành biệt ly.
Nhạn về, én lại bay đi,
Đêm thi vượn hót, ngày thi ve ngâm.
Lá sen tàn tạ trong đầm,
Nặng mang giọt lệ âm-thầm khóc hoa.
Sắc đâu nhuộn ố quan hà,
Cỏ vàng, cây đỗ, bóng tà tà-dương.
Nào người cố lý, tha hương,
Cảm thu, ai có tư lường hỡi ai ?

Nào những ai.
Bẩy thước thân nam-tử,
Bốn bể chí tang bồng ;
Đường mây chưa bổng cánh hồng,
Tiêu-ma tuế nguyệt, ngại-ngùng lu my.

Nào những ai
Sinh trưởng nơi khuê các,
Khuya sớm phận nữ-nhi,
Song the ngày tháng thoi đi,
Vương tơ ngắm rện, nhỡ thì thương hoa.

Nào những ai,
Tha phương khách thổ,
Hải giác thiên nha,
Ruột tằm héo, tóc sương pha,
Gốc phần chênh tưởng quê nhà đòi cơn.

Nào những ai,
Cù lao báo đức,
Sinh dưỡng đền ơn,
Kinh sương nghĩ nỗi mền đơn,
Giầu sang bất nghĩa mà hơn nghèo hèn.

Nào những ai,
Tóc xanh mày cuốn,
Má đỏ huê ghen,
Lăng chơi duyên đã hết duyên,
Khúc sông giăng rãi con thuyền chơi vơi. (1)

---

(1) Xưa có một người con hát rất có giá trong sự thanh sắc, đến sau già, gả về một người lái buôn. Người lại buôn thường bỏ đi vắng xa. Gái già đêm thu giữ một con thuyền ở bờ sông, tình cảnh buồn-bã. Ấy tức là người ở trong bài hát Tỳ-Bà có kể tích.

Nào những ai,
Dọc ngang giời rộng,
Vùng vẫy bể khơi,
Đội giời đạp đất ở đời;
Sa cơ thất thế quê người chiếc thân.

Nào những ai,
Kẻ vàng tỉnh mộng, (2)
Tóc bạc thương thân,
Vẹo trông lá rụng đầy sân,
Công danh phù-thế có ngần ấy thôi.

Thôi nghĩ cho,
Thu tự giời,
Cảm tự người,
Người đời ai cảm ta không biết,
Ta cảm thay ai, viết mấy nhời.

Thôi thời,
Cùng thu tạm biệt,
Thu hãy tạm lui,
Chi để khách đa tình đa cảm,
Một mình thay cảm những ai ai.

---

(2) Ở truyện *Chẩm-Trung-Ký* : Một người học-trò họ Lư, đương ngồi mát ở một cái quán, gặp một người đạo-sĩ, Lư than thở về sự nghèo khổ. Đạo-sĩ đưa cho một cái gối, bảo rằng : « Gối vào cái này, sẽ được sung-sướng như ý. » — Khi ấy lão quán đương nấu một nồi kê — Lư nghe nhời, quả-nhiên thấy lấy được vợ rất đẹp, rồi thi đỗ làm quan, làm cả tướng văn lẫn tướng võ, sinh con đẻ cháu đều vinh-hoa phú qui ; trong khoảng năm mươi năm thật là sung-sướng vô cùng. Rút lại thành một giấc chiêm bao mà nồi kê vẫn chưa chín.

HIỆU SÁCH TẢN-ĐÀ

NHÀ IN NGHIÊM-HÀM

Số 58 Phố Hàng Bông Hanoi

Xuất bản các sách quốc-ngữ, nhận in đủ các kiểu giấy má sổ sách, bán đủ các sách vở, giấy bút cùng các đồ dùng về việc văn-phòng.

Công việc làm nhanh và cẩn thận, giá bán lại hạ mua buôn có trừ hoa hồng.

TẢN-ĐÀ TU THƯ CỤC

Mới có mở hai việc dạy học như sau này :

1° Hán-văn hàm thụ. — Dạy học chữ Hán mà bài học gửi đi bằng phong-thư.

2° Quốc-văn hàm thụ. — Dạy tập văn quốc-ngữ, mà bài tập gửi đi gửi lại bằng phong-thư.

Cách-thức thể-lệ, hỏi ở Bản-cục, số nhà 58 phố hàng Bông (rue Coton) Hanoi.

Dépôt légal. – Monsieur Le Président Supérieur au Tonkin
Deux exemplaires "Thô Tân-dà" par Nguyễn Khắc-Hiếu. Tirage exact de mille (1000) exemplaires

Hanoï le 1 Octobre 1925
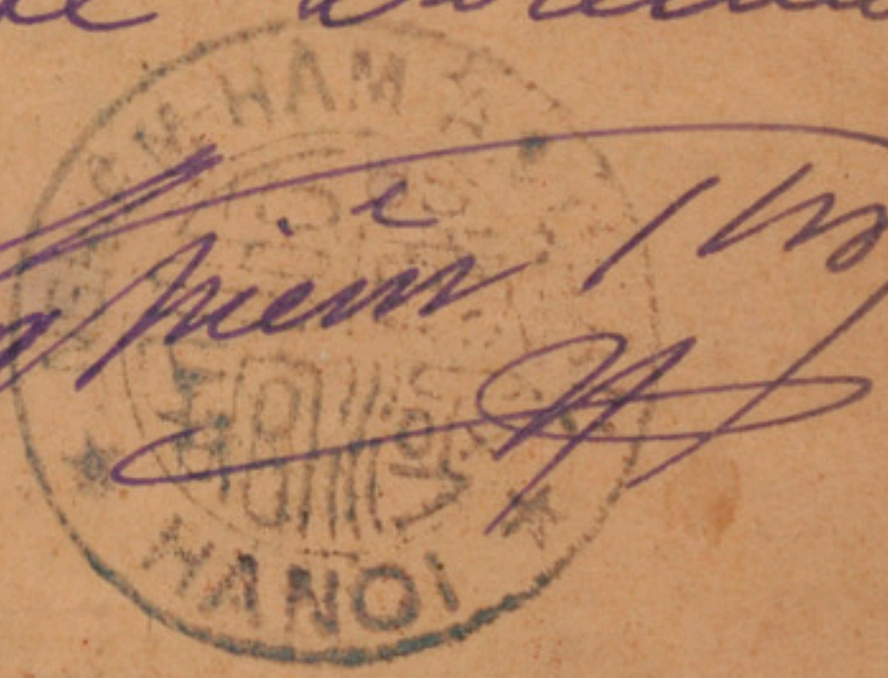
P. Le Directeur